

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2020.

*V/v: Không công nhận quan hệ vợ
chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sinh.**

Bà **Nông Thị Giáp.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ma Văn Chung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lý Thị X**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Mã Văn T**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2020, bản tự khai, ngày 24/6/2020, biên bản hòa giải ngày 29/6/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lý Thị X trình bày:

*** Về hôn nhân:** Bà Lý Thị X và ông Mã Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2015 thì giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

anh T thường xuyên đánh đập bà X. Nay bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà X được ly hôn với ông T.

*** Về con chung:** Trong quá trình chung sống với nhau bà Lý Thị X và ông Mã Văn T có 03 (Ba) con chung tên là Mã Văn Th, sinh ngày 02/12/1990; Mã Văn Tr, sinh ngày 10/9/1992 và Mã Thiêm H, sinh ngày 03/12/1994. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình riêng. Do vậy bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung, nợ chung:**

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại bản tự khai ngày 24/6/2020, biên bản hòa giải ngày 29/6/2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Mã Văn T trình bày:

*** Về hôn nhân:** Ông Mã Văn T và bà Lý Thị X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2015 thì giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông T và bà X đã sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Trong thời gian sống ly thân tình cảm không hàn gắn được. Nay ông T xác định tình cảm không còn, bà X xin ly hôn, ông T nhất trí. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

*** Về con chung:** Trong quá trình chung sống với nhau ông Mã Văn T và bà Lý Thị X có 03 (Ba) con chung tên là Mã Văn Th, sinh ngày 02/12/1990; Mã Văn Tr, sinh ngày 10/9/1992 và Mã Văn H, sinh ngày 03/12/1994. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi. Do vậy ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung, nợ chung:**

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ

Tại giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Văn Minh, huyện Na Rì thể hiện: Bà Lý Thị X và ông Mã Văn T chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề sau đây:

- **Về con chung:** Bà Lý Thị X và ông Mã Văn T xác định có 03 (Ba) con chung tên là Mã Văn Th, sinh ngày 02/12/1990; Mã Văn Tr, sinh ngày 10/9/1992

và Mã Thiêm H, sinh ngày 03/12/1994. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi. Do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Bà Lý Thị X và ông Mã Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về vay nợ chung:** Hai vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Lý Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Mã Văn T. Tuy nhiên trong quá trình chung sống với nhau bà X và ông T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy phải xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết là yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Mã Văn T, có khẩu thường trú tại: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lý Thị X và ông Mã Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Văn Minh, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn thể hiện: Bà Lý Thị X và ông Mã Văn T chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989. Như vậy, bà Lý Thị X và ông Mã Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Mỗi quan hệ của bà X và ông T không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà Lý Thị X yêu cầu được ly hôn với ông Mã Văn T, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lý Thị X, không công nhận quan hệ giữa bà Lý Thị X và ông Mã Văn T là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung:* Bà Lý Thị X và ông Mã Văn T có 03 (Ba) con chung tên là Mã Văn Th, sinh ngày 02/12/1990; Mã Văn Tr, sinh ngày 10/9/1992 và Mã Thiêm H, sinh ngày 03/12/1994. Các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và đều đã trên 18 tuổi. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung:* Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về vay nợ chung:* Các đương sự xác định không có nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lý Thị X. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Thị X và ông Mã Văn T.

2. Về con chung: Các con chung Mã Văn Th, sinh ngày 02/12/1990; Mã Văn Tr, sinh ngày 10/9/1992 và Mã Thiêm H, sinh ngày 03/12/1994 đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trên 18 tuổi. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lý Thị X phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06877 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận bà X đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã Văn Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Võ Thanh Bình